TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 86/2022/DS-PT
Ngày: 25 - 7 - 2022
V/v "Tranh chấp quyền sử dụng đất".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Vân
Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Đức
Ông Nguyễn Văn Thanh

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Vũ Quang Huy – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa*: Bà Đỗ Thị Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 68/2022/TLPT-DS ngày 19 tháng 4 năm 2022 về việc *"Tranh chấp quyền sử dụng đất"*.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 56/2021/DS-ST ngày 16/12/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 161/2022/QĐ-PT ngày 01/6/2022. Quyết định hoãn phiên tòa số 148/2022/QĐ-PT ngày 21/6/2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: 1.1. Chị Nguyễn Thị Kim T, sinh năm 1987
1.2. Chị Lê Thị Thúy P, sinh năm 1984

Cùng cư trú tại: CB TP, Phường M, thành phố ĐL, Lâm Đồng

2. Bị đơn:

2.1. Ông Huỳnh Ngọc V, sinh năm 1955; Địa chỉ: T 2 (TP), Phường M, thành phố ĐL, Lâm Đồng

2.2. Ông Nguyễn Văn T1, sinh năm: 1961; Địa chỉ: Tổ S, X, XT, thành phố ĐL, Lâm Đồng

Đại diện theo ủy quyền của ông Huỳnh Ngọc V: Anh Huỳnh Văn T2, sinh năm 1993, trú tại: MA TL, Phường B, thành phố ĐL, tỉnh Lâm Đồng.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Huỳnh Thị Anh Đ, sinh năm 1978. Trú tại: Tổ 6, thôn X, xã XT, thành phố ĐL, tỉnh Lâm Đồng.

3.2. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1957. Trú tại: T 2, Phường M, thành phố ĐL, tỉnh Lâm Đồng.

Đại diện theo ủy quyền: Anh Huỳnh Văn T2, sinh năm 1993, trú tại: MA TL, Phường B, thành phố ĐL, tỉnh Lâm Đồng.

3.3. Ông Nguyễn L1 và bà Nguyễn Thị Ngọc N. Cùng trú tại: H T, TM, phường M, ĐL.

3.4. Ủy ban nhân dân thành phố ĐL, Địa chỉ: K TNT, phường T, ĐL. *Đại diện theo pháp luật:* Ông Tôn Thiện S – Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Dà Lạt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Đức T3 – Phó trưởng phòng Tài nguyên & Môi trường thành phố ĐL.

Người kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Kim T, chị Lê Thị Thúy P – Nguyên đơn.

(Chị T, chị P, anh T2 có mặt; Các đương sự khác vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

1.1. Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim T trình bày: Nguồn gốc thửa đất số 75, tờ bản đồ số 23 (C49-I-96g) tọa lạc tại phường 11, thành phố ĐL với diện tích 877m^2, được cấp cho hộ ông Nguyễn Hữu P (*bố chị*) vào ngày 23/2/1998, đến ngày 23/6/2011 bố mẹ chị là ông Nguyễn Hữu P, bà Nguyễn Thị X đã làm hợp đồng tặng cho chị toàn bộ phần diện tích thửa đất trên. Ngày 15/7/2011 chị được Ủy ban nhân dân thành phố ĐL cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BE962538. Ngày 08/11/2011, chị chuyển nhượng lại cho chị Lê Thị Thúy P một phần diện tích hơn 400 m$^{2.}$. Quá trình anh Nguyễn Văn T1 là con rể của ông Huỳnh Ngọc V canh tác, sử dụng phần diện tích thửa đất số 76 đứng tên của ông Huỳnh Ngọc V, nằm cạnh thửa đất của gia đình chị, anh T1 đã lấn qua phần đất nêu trên. Chị cùng chị P sử dụng chung toàn bộ thửa số 75, tờ bản đồ số 23 (C49-I-96g), không phân chia cụ thể ai sử dụng diện tích

bao nhiêu. Nay, chị khởi kiện yêu cầu ông Huỳnh Ngọc V trả lại cho chị và chị P phần diện tích lấn chiếm khoảng 65m^2 với chiều ngang 3m, chiều dài 34,71m của thửa đất số 75, tờ bản đồ số 23 (C49-I-96g).

Đối với kết quả đo vẽ ngày 18/5/2020 của Chi nhánh văn phòng đất đai thành phố ĐL xác định diện tích đất tranh chấp là 59,57 m^2, có sự chênh lệch kết quả so với kết quả đo vẽ hiện trạng sử dụng đất ngày 14/9/2017 (*ký ngày 15/9/2017*) của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố ĐL. Chị đồng ý lấy kết quả đo vẽ hiện trạng sử dụng đất ngày 14/9/2017 (*ký ngày 15/9/2017*) của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố ĐL làm căn cứ giải quyết vụ án.

Đối với giá trị tài sản tranh chấp thì đồng ý với giá trị thẩm định giá theo chứng thư thẩm định giá số 3421/TĐG-CT ngày 11/11/2020 của Công ty cổ phần thẩm định giá Đồng Nai.

1.2.Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Lê Thị Thúy P trình bày: Về nguồn gốc đất đúng như chị Nguyễn Thị Kim T trình bày. Ngày 08/11/2011 chị chuyển nhượng lại của chị T diện tích hơn 400 m^2, chị cùng đồng sở hữu với chị T phần diện tích đất thửa đất số 75, tờ bản đồ số 23 (C49 -I - 96G). Khi chuyển nhượng đất chị đã biết có việc ông V lấn chiếm đất nhưng vì lúc đó ông V mới lấn chiếm một phần nên chị không có ý kiến gì. Hiện nay, ông Huỳnh Ngọc V lấn chiếm khoảng 65m^2 với chiều ngang 3m, chiều dài 34,71m của thửa đất số 75, tờ bản đồ số 23 (C49-I-96g), vì vậy chị yêu cầu ông Huỳnh Ngọc V trả lại cho chị và chị T diện tích đất lấn chiếm trên.

2.Bị đơn: 2.1.Chị Nguyễn Phạm Thanh Th là đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Huỳnh Ngọc V và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị L trình bày: Nguồn gốc thửa đất đang tranh chấp là do Hợp tác xã Tự P cấp cho ông V vào năm 1985. Năm 1995 giữa phần đất của gia đình ông V với gia đình ông P (*bố chị T*) có hàng cây vông làm ranh giới. Năm 1997 do cà phê già cỗi nên ông V phá đi và trồng hoa màu cho đến nay. Quá trình sử dụng đất ổn định, không có tranh chấp gì. Ngày 23/02/1998 ông V được Ủy ban nhân dân thành phố ĐL cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số L003679. Đến năm 2010 bà T và bà P đã tự ý phá hàng cây vông, tự ý xây bờ đá mà không được sự đồng ý của gia đình ông V. Nay, bà Nguyễn Thị Kim T và Lê Thị Thúy P khởi kiện yêu cầu ông Huỳnh Ngọc V trả lại phần diện tích lấn chiếm khoảng 65,20 m^2 với chiều ngang 3m, chiều dài 34,71m của thửa đất số 75, tờ bản đồ số 23 (C49-I- 96g) thì ông V và bà L không đồng ý. Chị đồng ý với kết quả thẩm định

giá và đồng ý lấy kết quả đo vẽ hiện trạng sử dụng đất ngày 14/9/2017 (*ký ngày 15/9/2017*) của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố ĐL làm căn cứ giải quyết vụ án.

2.2.Ông Nguyễn Văn T1 trình bày: Về nguồn gốc đất tranh chấp thì ông đồng ý như trình bày của chị Nguyễn Phạm Thanh Th, phần đất đang tranh chấp ông được bố vợ cho mượn để canh tác từ năm 2000, hiện nay ông đang sử dụng để trồng cà rốt. Nay, theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì ông không có ý kiến gì về phần đất tranh chấp giữa chị T, chị P với bố vợ ông. Bố ông không lấn đất của chị T và chị P, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

3.Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan

3.1. bà Huỳnh Thị Anh Đ trình bày: Về nguồn gốc đất tranh chấp thì bà đồng ý như trình bày của chị Nguyễn Phạm Thanh Th, phần đất đang tranh chấp bố bà cho vợ chồng bà sử dụng năm 2000 để trồng cà rốt. Nay, theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì bà không đồng ý vì bố bà không lấn đất của chị T và chị P. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

3.2.*Ủy ban nhân dân thành phố ĐL trình bày:* Việc Ủy ban nhân dân thành phố ĐL cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số L003669 ngày 23/02/1998 cho ông Nguyễn Hữu P và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số L003679 ngày 23/02/1998 cho ông Huỳnh Ngọc V là căn cứ hồ sơ kê khai đăng ký sử dụng đất của ông Nguyễn Hữu P và Huỳnh Ngọc V và đảm bảo đúng trình tự thủ tục theo quy định tại Luật đất đai năm 1993 và Nghị định số 64/CP ngày 27/9/1993 của Chính Phủ; Quyết định số 201/QĐ – ĐKTK ngày 14/7/1989 của Tổng cục quản lý ruộng đất quy định về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Đối với việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị Kim T: Nguồn gốc thửa đất thuộc thửa đất số 75, tờ bản đồ địa chính số 96G, phường 11, thành phố ĐL do ông, bà Nguyễn Hữu P-Nguyễn Thị X lập hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị Kim T năm 2011. Trên cơ sở hợp đồng tặng cho và đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất của bà Nguyễn Thị Kim T, Ủy ban nhân dân thành phố ĐL cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BE 962538 ngày 15/7/2011 cho bà Nguyễn Thị Kim T. Việc Ủy ban nhân dân thành phố ĐL cấp giấy cho bà Nguyễn Thị Kim T là đúng trình tự.

Việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BE 962538 ngày 15/7/2011 cho bà Nguyễn Thị Kim

T trên cơ sở Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số L003669 ngày 23/02/1998 do Ủy ban nhân dân thành phố ĐL cấp cho ông Nguyễn Hữu P, hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất của ông, bà Nguyễn Hữu P - Nguyễn Thị X cho bà Nguyễn Thị Kim T và đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất của bà Nguyễn Thị Kim T. Tại thời điểm cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Hữu P và ông Huỳnh Ngọc V ngày 23/02/1998, ông P và ông V không phát sinh tranh chấp liên quan đến việc sử dụng đất của 02 hộ gia đình và UBND phường 11 công khai hồ sơ 199 hộ được cấp cho các Tổ dân phố và mọi đối tượng trong phường biết và không có khiếu nại tranh chấp những trường hợp trên. Do vậy, đề nghị Tòa án nhân dân thành phố ĐL giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại Bản án số 20/2018/DS-ST ngày 10/5/2018 của Tòa án nhân dân thành phố ĐL đã xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về tranh chấp quyền sử dụng đất với bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Bản án số 126/2018/DS- PT ngày 08/11/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng hủy toàn bộ bản án sơ thẩm số 20/2018/DS - ST ngày 10/5/2018 của Tòa án nhân dân thành phố ĐL. Giao hồ sơ vụ án về cho Tòa án nhân dân thành phố ĐL giải quyết lại theo thủ tục chung.

Tại Quyết định chuyển hồ sơ số 07/2020/QĐ-CVA ngày 21/8/2020 của Tòa án nhân dân thành phố ĐL đã chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng để giải quyết vì tranh chấp của các đương sự là tranh chấp ranh giới đất, một bên đã được cấp giấy chứng nhận lần đầu và có căn cứ hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Tại công văn số 962/2020/CV – TA ngày 18/11/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng chuyển hồ sơ vụ án lại cho Tòa án nhân dân thành phố ĐL vì vụ án đã thụ lý giải quyết theo trình tự sơ thẩm ngày 22/7/2014, được giải quyết tại bản án số 20/2018/DS - ST ngày 10/5/2018, sau đó có kháng cáo. Tại Bản án số 126/2018/DS -PT ngày 08/11/2018 đã hủy toàn bộ bản án của Tòa sơ thẩm, giao hồ sơ cho Tòa cấp sơ thẩm xét xử lại nên theo hướng dẫn tại phần IV của Giải đáp số 01/2021/GĐ - TANDTC ngày 07/01/2017 về giải đáp một số vấn đề nghiệp vụ của Tòa án nhân dân tối cao thì vụ án vẫn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt.

Tòa án tiến hành giải nhiều lần nhưng các bên đương sự không thỏa thuận được.

Tại bản án Dân sự sơ thẩm số 56/2021/DS-ST ngày 16/12/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt đã xử:

Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim T và chị Lê Thị Thúy P về việc*"Tranh chấp quyền sử dụng đất"* đối với bị đơn ông Huỳnh Ngọc V, ông Nguyễn Văn T1.

Hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BE962538 ngày 15/7/2011 do Ủy ban nhân dân thành phố ĐL cấp đối với diện tích đất 65.20 m^2 thuộc một phần thửa đất số 75, tờ bản đồ số 23 (C49-I-96g) (phần số 3 (3.1 và 3.2) của họa đồ đo vẽ hiện trạng sử dụng đất ký ngày 15/9/2017).

Buộc chị Nguyễn Thị Kim T và chị Lê Thị Thúy P phải trả cho ông Huỳnh Ngọc V 8.147.000đ (tám triệu một trăm bốn mươi bảy ngàn đồng) tiền chi phí tố tụng.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và trách nhiệm thi hành án của các đương sự theo quy định pháp luật.

Ngày 07/02/2022 nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim T và chị Lê Thị Thúy P kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết buộc bị đơn phải trả lại phần đất đã lấn chiếm trái quy định pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và nội dung kháng cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên buộc bị đơn phải trả lại phần diện tích đất đã lấn chiếm.

Anh Huỳnh Văn T2 là đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Huỳnh Ngọc V và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị L trình bày ý kiến đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng nêu ý kiến về việc chấp hành pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại giai đoạn phúc thẩm cũng như phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử phúc thẩm đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đồng thời, nêu quan điểm về việc giải quyết vụ án: Diện tích đất 65,20m^2 mà bị đơn sử dụng ổn định từ trước đến nay được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho nguyên đơn. Tuy nhiên, ranh giới đất giữa hai bên sử dụng ổn định và có ranh giới là hàng cây vông, sau này chính nguyên đơn là người phá bỏ hàng cây để xây bờ ta luy. Do đó, nguyên đơn cho rằng bị đơn đã lấn chiếm đất của nguyên đơn là không có cơ sở. Việc cấp đất cho nguyên đơn là không đúng với hiện trạng sử dụng. Vì vậy, để việc sử dụng đất

của hai bên được ổn định, phù hợp với hiện trạng thực tế, cần giữ nguyên hiện trạng các bên đang sử dụng nên cần phải hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của nguyên đơn đối với phần diện tích đất 65,20m^2 mà bị đơn đang sử dụng. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn. Căn cứ khoản 1 Điều 308 BLTTDS, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Xuất phát từ việc chị Nguyễn Thị Kim T và chị Lê Thị Thúy P cho rằng ông Huỳnh Ngọc V lấn chiếm diện tích khoảng 65m^2 với chiều ngang 3m, chiều dài 34,71m của thửa đất số 75, tờ bản đồ số 23 nên khởi kiện yêu cầu đòi lại diện tích đất trên. Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ *"Tranh chấp quyền sử dụng đất"* là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[2] Xét kháng cáo của chị Nguyễn Thị Kim T và chị Lê Thị Thúy P thấy rằng;

Nguồn gốc thửa đất số 75 của chị T do được ông Nguyễn Hữu P, bà Nguyễn Thị X (*cha, mẹ chị T*) tặng cho theo hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất lập ngày 23/6/2011 được Ủy ban nhân dân phường 11 chứng thực. Ông P và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 23/02/1998 (*bút lục 110*), giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông P gồm 02 thửa là thửa 75 và thửa 68, sau đó ông P tặng cho thửa 75 cho chị T, chuyển nhượng thửa 68 cho ông Nguyễn L1. Đến ngày 15/7/2011 chị T được Ủy ban nhân dân thành phố ĐL cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BE962538 ngày 15/7/2011 (*bút lục 111*). Còn nguồn gốc thửa đất số 76, tờ bản đồ số 23 (C49-I-96g), phường 11, thành phố ĐL của ông Huỳnh Ngọc V do Hợp tác xã Tự P cấp vào năm 1985, ông V đã được Ủy ban nhân dân thành phố ĐL cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số L003679 ngày 23/02/1998 (*bút lục số 67*).

Cả ông Huỳnh Ngọc V và Nguyễn Hữu P vẫn sử dụng ổn định ranh giới từ trước khi được cấp giấy chứng nhận không có tranh chấp gì, tranh chấp chỉ xảy ra khi chị T được ông P tặng cho thửa đất số 75. Theo nội dung biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 11/9/2018 và biên bản ngày 05/3/2020 thì phần đất của nguyên đơn thấp hơn của bị đơn và được phân cách bởi bờ ta luy, phần cao nhất 2m giáp đường đất và phần thấp nhất là phía cuối lô đất. Các bên đều xác định ranh giới đất giữa các bên là hàng cây vông do ông P và ông V trồng, sau này bà T cho múc đất, phá bờ đá tạo nên độ chênh lệch cao thấp giữa thửa đất 75 và 76. Hiện nay vẫn còn một số viên đá xếp dọc mép đất của nguyên đơn, phần

giáp đất bị đơn. Tổng diện tích đất bị đơn đang sử dụng là 3,466.63m^2. Nguyên đơn cho rằng đất bị đơn cao hơn đất nguyên đơn là do bị đơn đổ đất lên là không có cơ sở. Hơn nữa đất của ông V và ông P *(cha của bà T*) được Ủy ban nhân dân thành phố ĐL cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cùng thời điểm, quá trình sử dụng hai bên không có tranh chấp.

Theo họa đồ đo vẽ hiện trạng sử dụng đất ngày 15/9/2017 thì phần diện tích tranh chấp 65,20 m^2 (*vị trí số 3*) ông V đã sử dụng ổn định từ năm 1985 đến nay nhưng Ủy ban nhân dân thành phố ĐL lại cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho nguyên đơn là trái quy định của pháp luật. Hơn nữa, Theo nội dung Công văn số 6914/UBND-NC ngày 25/11/2009 của Ủy ban nhân dân thành phố ĐL thể hiện "…*Tại thời điểm cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Hữu P và ông Huỳnh Ngọc V ngày 23/2/1998, ông P và ông V không phát sinh tranh chấp liên quan đến việc sử dụng đất của hai hộ gia đình và Ủy ban nhân dân phường 11 công khai hồ sơ 199 hộ được cấp cho các tổ dân phố và mọi đối tượng trong phường được biết và không có khiếu nại tranh chấp những trường hợp trên*". Do đó, để đảm bảo việc sử dụng đất của các đương sự được ổn định, phù hợp với hiện trạng thực tế, cần giữ nguyên hiện trạng các bên đang sử dụng đồng thời tuyên hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE962538 do Ủy ban nhân dân thành phố ĐL cấp ngày 15/7/2011 đối với phần diện tích đất 65.20m^2 thuộc một phần thửa đất số 75, tờ bản đồ số 23 *(phần số 3 gồm 3.1 và 3.2 của họa đồ đo vẽ hiện trạng sử dụng đất ký ngày 15/9/2017 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố ĐL*) là có căn cứ.

Từ những phân tích trên nhận thấy; Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất nội dung vụ án nên không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim T, chị Lê Thị Thúy P. Cần giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố ĐL.

[3] Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên người kháng cáo phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

- Căn cứ khoản 3 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim T và chị Lê Thị Thúy P.

Xử:

1. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 56/2021/DS-ST ngày 16/12/2021 của Tòa án nhân dân thành phố ĐL về việc *"Tranh chấp quyền sử dụng đất"* giữa nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim T, chị Lê Thị Thúy P và bị đơn ông Huỳnh Ngọc V, ông Nguyễn Văn T1.

Hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BE962538 ngày 15/7/2011 do Ủy ban nhân dân thành phố ĐL cấp đối với diện tích đất 65.20m^2 thuộc một phần thửa đất số 75, tờ bản đồ số 23 (C49-I-96g) (phần số 3 (3.1 và 3.2) của họa đồ đo vẽ hiện trạng sử dụng đất ký ngày 15/9/2017).

(Kèm theo họa đồ đo vẽ hiện trạng sử dụng đất ký ngày 15/9/2017 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố ĐL).

2. Về chi phí tố tụng: Buộc chị Nguyễn Thị Kim T và chị Lê Thị Thúy P phải trả cho ông Huỳnh Ngọc V 8.147.000 đồng (*tám triệu một trăm bốn mươi bảy ngàn đồng*).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án còn phải trả số tiền lãi, tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Kim T và chị Lê Thị Thúy P phải chịu 7.432.800đ *(Bảy triệu bốn trăm ba mươi hai ngàn tám trăm đồng)* án phí dân sự sơ thẩm và 600.000đ *(Sáu trăm ngàn đồng)* án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2012/0006196 ngày 22/7/2014 số tiền 875.000đ; biên lai thu số 0001495 ngày 14/02/2022 số tiền 300.000đ; biên lai thu số 0001494 ngày 14/02/2022 số tiền 300.000đ đều của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đà Lạt. Chị Nguyễn Thị Kim T và Lê Thị Thúy P còn phải nộp 6.557.800đ *(Sáu triệu, năm trăm năm mươi bảy ngàn, tám trăm đồng)* tiền án phí còn thiếu.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TANDCC;
- VKSND tỉnh LĐ;
- TAND thành phố Đà Lạt (02);
- Phòng KTNV&THA;
- Các đương sự (08);
- Lưu AV – HS (04).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Lê Thị Vân